

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DÂN TỘC HỘ NGHÈO, CẦN NGHÈO
THƯC ĐỔI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỢT 2 - NĂM HỌC 2021 - 2022
(Kèm theo Quyết định số **884** /QĐ-ĐHQN, ngày **19** tháng **4** năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)
Thời gian nhận: từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022

TT	Khoá	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
1	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4159030014	Y Vi Na	25/08/2000	Nữ	Xê Đăng	894.000	5.364.000	
2	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	B	4159030081	So Hồ Mi	24/09/2000	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
3	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học		4159010063	Đinh Thị H' Diễm	09/05/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
4	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học		4159010074	Lương Thị Hằng	18/10/2000	Nữ	Nùng	894.000	5.364.000	
5	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học		4159010069	Siu Hiệp	27/04/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
6	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học		4159010078	Hà Thị Hương	24/06/2000	Nữ	Thái	894.000	5.364.000	
7	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học		4159010018	Đinh Thị Ngân	12/11/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
8	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học		4159010017	Y Nhỏ	11/11/2000	Nữ	Hà Lăng	894.000	5.364.000	
9	41	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học		4159010032	Quảng Thị Huyền Trân	08/03/1999	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
10	41	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất		4159020011	Vũ Văn Tứ	08/10/2000	Nam	Ba na	894.000	5.364.000	
11	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080030	Tro Thị Kim Chi	16/02/2000	Nữ	Rag Lay	894.000	5.364.000	
12	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác Xã hội		4156080056	A Dạy	30/06/1999	Nam	Xê Đăng	894.000	5.364.000	
13	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080020	Đoàn Thị Minh Giang	16/01/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
14	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080053	Y Hoa	20/06/2000	Nữ	Triêng	894.000	5.364.000	
15	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080041	Đinh Thị Kiêng	04/08/1999	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
16	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080051	Đinh Thị Kim Ngọc	24/04/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
17	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080061	Nguyễn Thị Nha	13/04/1998	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
18	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080064	Đinh Văn Nho	13/07/1999	Nam	Ba na	894.000	5.364.000	
19	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080044	Lê Mô Hồ Thảo	11/11/2000	Nữ	Ê đê	894.000	5.364.000	
20	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080040	Lê Thị Vân	03/03/2000	Nữ	Ka đơng	894.000	5.364.000	
21	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080017	Y Yềng	22/12/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
22	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4156080063	Rơ Chăm H' Yêm	16/05/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
23	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quản lý giáo dục		4156110009	H' Nui Liêng	01/05/1999	Nữ	M'Nông	894.000	5.364.000	
24	41	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Việt Nam học	B	4156090053	Phel	00/00/1999	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
25	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	A	4156120044	H' Trang Ayün	15/02/2000	Nữ	Ê đê	894.000	5.364.000	
26	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	A	4156120006	Hồ Vi Dân	09/01/2000	Nam	Kor	894.000	5.364.000	
27	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	A	4156120042	Y Lê	16/02/2000	Nữ	Sơ Drá	894.000	5.364.000	
28	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	A	4156120064	Đinh Thị Ngọc Liễu	03/01/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
29	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	A	4156120055	Siu H' Riêu	02/03/1999	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
30	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	A	4156120084	Hoàng Lao Sỳ	02/09/1998	Nam	M'Nông	894.000	5.364.000	
31	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	B	4156120150	R'ô Nin	22/12/2000	Nam	Jrai	894.000	5.364.000	
32	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	B	4156120119	Đinh Thị Quỳnh	18/02/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
33	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	B	4156120153	Đinh Thị Việt	24/03/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
34	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	C	4156120165	Đinh Thị Kiều Mỹ	06/01/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
35	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Luật	C	4156120216	Đinh Triệu Vi	14/06/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	

TT	Khoá	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
36	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100056	Poloong Thị Bù	27/03/2000	Nữ	Cotu	894.000	5.364.000	
37	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100005	Đinh Thị Thu Đồng	12/01/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
38	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100153	Đinh Huy	13/10/1999	Nam	Ba na	894.000	5.364.000	
39	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100039	Kpă Hò Luận	14/01/2000	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
40	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100010	H Diêu Niê	23/03/2000	Nữ	Ê đê	894.000	5.364.000	
41	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100051	Siu Pát	13/12/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
42	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100049	Uın Sáu	27/11/1997	Nam	Giã Tráng	894.000	5.364.000	
43	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100013	Bo Bo Thị Minh Sở	03/09/2000	Nữ	Rag Lay	894.000	5.364.000	
44	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100016	Đinh Thị Tiết	03/01/1999	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
45	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100050	Đinh Thị Thao	06/08/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
46	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100023	Rơ Chăm Y Thọại	30/12/1999	Nam	Ê đê	894.000	5.364.000	
47	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	A	4156100021	Đinh Văn Trường	26/12/2000	Nam	Jrai	894.000	5.364.000	
48	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100092	Zơ Râm Bền	13/01/2000	Nữ	Cơ tu	894.000	5.364.000	
49	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100142	H - Uyên Byă	01/01/1999	Nữ	Ê đê	894.000	5.364.000	
50	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100083	Đinh Thị Song Hy	22/10/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
51	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100108	Đinh Văn Khang	01/09/2000	Nam	Ba na	894.000	5.364.000	
52	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100112	Poloong Đại Khang	19/08/2000	Nam	Cơ tu	894.000	5.364.000	
53	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100134	Đinh Thị Lý	28/06/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
54	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100122	Y Son Niê	25/02/2000	Nam	Ê đê	894.000	5.364.000	
55	41	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100131	Phyon	00/00/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
56	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100114	Phạm Văn Quyết	09/11/2000	Nam	Jrai	894.000	5.364.000	
57	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100118	Hồ Văn Sĩ	18/08/2000	Nam	KĐong	894.000	5.364.000	
58	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100086	Y Thảo	01/01/2000	Nữ	Xê Đăng	894.000	5.364.000	
59	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100141	Ksor H' Thâm	13/11/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
60	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100116	Đinh Thị Then	16/07/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
61	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100101	Rơ Mah H' Viên	20/05/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
62	41	Lý luận chính trị - Luật & Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	B	4156100104	Rmah H' Yeng	14/07/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
63	41	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	C	4157510096	H'Cha Ly Mlô	16/11/2000	Nữ	Ede	894.000	5.364.000	
64	41	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	D	4157510142	Ksor H' Sáu	28/05/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
65	41	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	G	4157510255	Rơ Châm Dao	26/08/1999	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
66	41	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	H	4157510302	Đinh Thị Thuý Tiên	20/02/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
67	41	Sư phạm	Giáo dục chính trị		4156040008	Y Khen	20/08/1998	Nữ	Xê Đăng	894.000	5.364.000	
68	41	Sư phạm	Giáo dục chính trị		4156040011	Đinh Thị Liên	21/03/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
69	41	Sư phạm	Giáo dục chính trị		4156040015	A Rách	08/07/1999	Nam	Ka Dong	894.000	5.364.000	
70	41	Sư phạm	Sư phạm Lịch sử		4156020020	Y Quyền	12/08/2000	Nữ	Xê Đăng	894.000	5.364.000	
71	41	Sư phạm	Sư phạm Lịch sử		4156020017	Y Thuý	02/02/2000	Nữ	Sơ Đrá	894.000	5.364.000	
72	41	Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		4156010032	Đinh Thị My Sa	17/02/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
73	41	Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	Quản trị khách sạn	A	4154070068	Hán Thị Ý Như	01/05/2000	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
74	42	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	B	4251050140	Hoàng Thị Thuý Linh	11/08/2001	Nữ	Nùng	894.000	5.364.000	
75	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non		4259030037	Đinh Thị Ngọc Lễ	18/10/2001	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
76	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non		4259030054	Đoàn Thị Tiên	13/12/2000	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
77	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non		4259030052	Nông Thị Tuyết	23/03/2001	Nữ	Tây	894.000	5.364.000	
78	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non		4259030010	Đinh Thị Yến	20/05/2001	Nữ	Hrê	894.000	5.364.000	
79	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4259010004	Y Châu	11/03/2001	Nữ	Sơ Rá	894.000	5.364.000	
80	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4259010045	Đinh Thị Chí	27/06/2001	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
81	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4259010044	Đinh Thị Hoa	20/07/2001	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
82	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4259010043	Đinh Thị Hoà	26/07/2001	Nữ	Hrê	894.000	5.364.000	
83	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4259010013	Phạm Thị Kiều	20/11/2001	Nữ	Hrê	894.000	5.364.000	
84	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4259010002	H Nguyễn Mlô	10/02/2001	Nữ	Ê đê	894.000	5.364.000	
85	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4259010066	Ksor H' Na	23/10/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
86	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4259010124	Lưu Thị Hồng Hà	26/01/1999	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
87	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4259010106	Y Luyết	15/03/2001	Nữ	Nú Đang	894.000	5.364.000	
88	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4259010111	Đinh Thị Piôch	01/07/2001	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
89	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4259010098	Đinh Văn Toảng	31/05/2001	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	
90	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4259010089	Rơ Lan Thim	12/03/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
91	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4259010076	Đinh Thị Trúc	13/12/2000	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
92	42	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4259010134	Siu Yoi	28/11/2001	Nam	Jrai	894.000	5.364.000	
93	42	Kinh tế và Kế toán	Kế toán	B	4254040114	H' Lên Niê	08/09/1999	Nữ	Ê đê	894.000	5.364.000	
94	42	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4256080008	Ksor H' Der	28/03/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
95	42	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4256080022	Đinh Minh Thiệp	10/03/2000	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
96	42	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4256080041	Thơ	15/08/2001	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	
97	42	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đông phương học	A	4256130001	Quảng Như Phúc Tạo	01/05/2001	Nữ	Châm	894.000	5.364.000	
98	42	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đông phương học	A	4256130022	Rơ Châm H'	09/07/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
99	42	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quản lý giáo dục		4256110005	Đình Thị Hương	20/05/1999	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
100	42	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quản lý giáo dục		4256110002	Y Ma Dik Mlô	16/02/1999	Nam	Ê đê	894.000	5.364.000	
101	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	A	4256120060	Y Ly Sinh	31/01/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
102	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	A	4256120056	Siu Tiếng	01/01/2000	Nam	Jrai	894.000	5.364.000	
103	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	A	4256120053	Y Thê	19/10/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
104	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	B	4256120076	Đình Thị Duyên	09/10/2001	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
105	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	B	4256120101	B Ling Thị Kim Hy	19/05/2001	Nữ	Cơ tu	894.000	5.364.000	
106	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	B	4256120091	Đình Văn Lý Nguyễn	11/02/2001	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	
107	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100076	Nay H' Bốt	30/06/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
108	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100043	Cao Thị Dĩ	28/02/2000	Nữ	Ra glay	894.000	5.364.000	
109	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100029	Nguyễn Thị Hiền	06/03/2001	Nữ	Cadong	894.000	5.364.000	
110	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100057	Y Hải Hồng	28/07/2001	Nữ	Triêng	894.000	5.364.000	
111	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100084	Jin	00/00/2000	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	
112	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100077	Rơ Ô Hờ Khiêm	01/12/2001	Nữ	Ê đê	894.000	5.364.000	
113	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100061	Kpuih Liu	17/03/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
114	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100040	Mẫu Thị Ngộ	17/12/2001	Nữ	Ra glay	894.000	5.364.000	
115	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100025	H' Nguyệt	26/03/2001	Nữ	Mạ	894.000	5.364.000	

TT	Khoá	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
116	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100034	Kpã Nhung	03/08/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
117	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100017	Rơ Chăm H' Phê	31/01/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
118	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100024	Ví Thị Phương	14/10/2001	Nữ	Thái	894.000	5.364.000	
119	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100091	Mai Kim Túc	26/02/2001	Nam	Chăm	894.000	5.364.000	
120	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100056	Siu Tum	14/04/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
121	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100045	La O Thay	04/06/1999	Nam	Chăm	894.000	5.364.000	
122	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100032	Cao Thị Hồng Thi	01/01/2001	Nữ	Ra glay	894.000	5.364.000	
123	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100047	Viên Viên	00/00/2001	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	
124	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100052	Triệu Thị Viên	28/02/2001	Nữ	Dao	894.000	5.364.000	
125	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100003	Đinh Thị Xeh	27/09/1999	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
126	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100073	A Xuyên	10/08/2001	Nam	Sơ rá	894.000	5.364.000	
127	42	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4256100055	Puih Yên	29/10/2000	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
128	42	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	D	4257510179	Hoàng Thị Ngọc Diễm	20/10/2001	Nữ	Tày	894.000	5.364.000	
129	42	Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		4256010001	Đinh Thị Ly	10/10/2001	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
130	42	Sư phạm	Sư phạm Tiếng Anh	A	4257010008	Đảm Thị Thuý	04/04/2001	Nữ	Tày	894.000	5.364.000	
131	42	Sư phạm	Sư phạm Toán học		4251010006	Đinh Công Thực	11/02/2001	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	
132	42	Tài chính - Ngân hàng và Quan lý kinh doanh	Quản trị kinh doanh	C	4254010207	Liều Thị Luyến	19/01/2001	Nữ	Nùng	894.000	5.364.000	
133	42	Tài chính - Ngân hàng và Quan lý kinh doanh	Quản trị khách sạn	B	4254070113	Cao Minh Dân	10/02/2000	Nam	Ra glay	894.000	5.364.000	
134	42	Tài chính - Ngân hàng và Quan lý kinh doanh	Quản trị khách sạn	C	4254070217	Đinh Văn Tùng	14/08/2001	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	
135	42	Tài chính - Ngân hàng và Quan lý kinh doanh	Quản trị khách sạn	D	4254070278	Đinh Thị Kiều Thảo	19/12/2001	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
136	43	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	C	4351050985	Rmah H'	Ngok	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
137	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030079	Đinh Thị	Dâng	Nữ	H'rê	894.000	5.364.000	
138	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030080	Rơ Chăm	Diêm	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
139	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030084	Y	Đoang	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
140	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030023	Rơ Chăm	Hương	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
141	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030125	Rơ Mah H'	Mây	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
142	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030153	Kpă	Priư	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
143	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030187	Rơ Chăm	Tiêm	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
144	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030172	Rơ Mah	Thị	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
145	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	A	4359030006	Lý Ngọc	Thu	Nữ	Dao	894.000	5.364.000	
146	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	B	4359030073	Đinh Thị	Bian	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
147	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	B	4359030015	Y	Nữ	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
148	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	B	4359030159	Ksor H'	Rung	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
149	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Mầm non	B	4359030036	Lương Lê	Vy	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
150	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4359010172	Rơ Chăm H'	An	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
151	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4359010350	Ksor H'	Buôn	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
152	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4359010231	Đinh Văn	Điệp	Nam	H'rê	894.000	5.364.000	
153	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4359010405	Đinh Thị	Hiếu	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
154	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4359010719	Ksor H'	Na	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
155	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4359010105	Rơ Chăm	Sơ	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
156	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4359010639	Đinh Thị Vành	26/02/2002	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
157	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4359010381	Rơ Chăm Giá	30/05/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
158	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4359010413	Y Học	09/08/2002	Nữ	Dê	894.000	5.364.000	
159	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4359010560	Phạm Thị Sỹ	03/01/2002	Nữ	H'rê	894.000	5.364.000	
160	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4359010591	Siu Thut	28/07/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
161	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4359010319	Rơ Chăm Xuân	12/05/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
162	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	B	4359010655	Yeng	00/00/2000	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
163	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010233	Đinh Thị Minh An	15/09/2002	Nữ	H'rê	894.000	5.364.000	
164	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010265	Kpă H' Hang	08/09/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
165	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010402	Rmah Hiên	26/01/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
166	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010272	Lê Thị Kim	24/01/2002	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
167	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010530	Đinh Thị Nữ	19/02/2002	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
168	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010306	Đinh Thị Nhung	18/01/2002	Nữ	H'rê	894.000	5.364.000	
169	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010535	Rmah H' Peng	26/12/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
170	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010220	Y Quanh	05/06/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
171	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010557	Sang	08/11/2002	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
172	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010558	Ksor Sirem	08/09/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
173	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010218	Thị Thu	18/07/2002	Nữ	M'Nông	894.000	5.364.000	
174	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	C	4359010598	Đàng Thị Kim Trâm	10/11/2002	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
175	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	D	4359010442	Kpuinh Krunh	11/10/2001	Nam	Jrai	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
176	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	D	4359010437	Ksor H' Khuiy	19/04/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
177	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	D	4359010555	Lâu Tăng Sán	30/10/2002	Nữ	Hoa	894.000	5.364.000	
178	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	D	4359010640	A Vê	07/10/2002	Nam	Nà Bàng	894.000	5.364.000	
179	43	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	D	4359010653	Đinh Thị Yén	25/09/2002	Nữ	H'rê	894.000	5.364.000	
180	43	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất		4359020024	Nguyễn Duy Thanh	22/02/2000	Nam	Ba na	894.000	5.364.000	
181	43	Kinh tế và Kế toán	Kế toán	B	4354040093	Hồ Thị Huyền	20/12/2002	Nữ	Kor	894.000	5.364.000	
182	43	Kinh tế và Kế toán	Kinh tế		4354030217	Đinh Thị Kim Trinh	26/04/2002	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
183	43	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4356080124	Đinh Xuân Củng	22/02/2001	Nam	Ba na	894.000	5.364.000	
184	43	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4356080057	Rơ Chăm Loan	03/02/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
185	43	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4356080081	Sô Y Tally	02/10/2002	Nam	Ba na	894.000	5.364.000	
186	43	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Trung Quốc học	B	4356130131	Kiều Hoa Tươi	17/09/2002	Nam	Chăm	894.000	5.364.000	
187	43	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Việt Nam học		4356090149	Siu Hậu	27/02/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
188	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	A	4356120547	Ksor Siu H' Yem	27/03/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
189	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	B	4356120575	Rmah Tiêng	15/07/2002	Nam	Jrai	894.000	5.364.000	
190	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	B	4356120314	Đinh Thị Thung	25/06/2002	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
191	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4356100183	Siu Blơi	07/08/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
192	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4356100014	Rơ Ô Hờ Dung	01/08/2000	Nữ	Ê đê	894.000	5.364.000	
193	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4356100288	Đinh Thị Ly Na	08/03/2002	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
194	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4356100199	Siu Ngâm	16/08/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
195	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4356100078	Cao Thị Bích Phụng	06/05/2002	Nữ	Ra glai	894.000	5.364.000	

TT	Khoá	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
196	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước		4356100126	Son	19/09/2001	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
197	43	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước		4356100107	Vi	23/03/2002	Nam	Ba na	894.000	5.364.000	
198	43	Ngoại ngữ	D	4357510480	Đinh Thị Thuý	01/01/1999	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
199	43	Ngoại ngữ	D	4357510462	Jang Thị Thư	26/10/2002	Nữ	M'Nong	894.000	5.364.000	
200	43	Ngoại ngữ	G	4357511049	H Hiếu Byă	18/02/2002	Nữ	Ế đê	894.000	5.364.000	
201	43	Ngoại ngữ	G	4357510889	Đinh Thị Chi	05/07/2002	Nữ	H'rê	894.000	5.364.000	
202	43	Ngoại ngữ	G	4357510809	Đinh Thị Nhân	01/04/2002	Nữ	H'rê	894.000	5.364.000	
203	43	Ngoại ngữ	G	4357510812	Y Thâm	29/07/2001	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
204	43	Sư phạm Địa lý		4356030047	Bling Thị Bắc	18/09/2002	Nữ	Cơ Tu	894.000	5.364.000	
205	43	Sư phạm Lịch sử		4356020032	Y Thân	25/06/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
206	43	Sư phạm Ngữ văn		4356010070	Rah Lan Hồng Chiêm	21/12/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
207	43	Sư phạm Ngữ văn		4356010086	Nay H' Mari	29/10/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
208	43	Sư phạm Ngữ văn		4356010090	Đinh Thị Nhi	18/06/2002	Nữ	Ba na	894.000	5.364.000	
209	43	Sư phạm Ngữ văn		4356010137	Dương Kim Sáng	20/03/2002	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
210	43	Sư phạm Ngữ văn		4356010151	Kpă H' Xuân	30/12/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
211	43	Sư phạm Tiếng Anh	B	4357010212	Phùng Thị Đông	27/09/2002	Nữ	Nùng	894.000	5.364.000	
212	43	Sư phạm Tiếng Anh	E	4357010298	Rơ Mah Thiêng	26/10/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
213	43	Tài chính - Ngân hàng và Kinh doanh	A	4354011058	Bui Thị Kim Thuý	18/03/2002	Nữ	M'long	894.000	5.364.000	
214	43	Tài chính - Ngân hàng và Kinh doanh	B	4354010285	Hoàng Thị Loan	12/01/2002	Nam	Dao	894.000	5.364.000	
215	43	Tài chính - Ngân hàng và Kinh doanh	E	4354011130	Hân Thị Hoa	08/03/2002	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
216	43	Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	E	4354011131	Siu Kiều	15/08/2001	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
217	43	Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	Quản trị khách sạn	B	4354070255	Mai Thị Kim Loan	09/10/2002	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
218	43	Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	Quản trị khách sạn	C	4354070999	Lương Thị Hoài	15/02/2002	Nữ	Nùng	894.000	5.364.000	
219	44	Bộ môn Kỹ thuật ô tô	Công nghệ kỹ thuật ô tô	B	4451300149	Quang Anh Quân	28/10/2002	Nam	Chăm	894.000	5.364.000	
220	44	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	B	4451050195	Đình Tuấn Minh	28/06/2003	Nam	Hrê	894.000	5.364.000	
221	44	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	D	4451050059	Đào La Sô Thị	12/11/2002	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
222	44	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	F	4451051003	Liễu Xuân Tien	21/03/2003	Nam	Nùng	894.000	5.364.000	
223	44	Giáo dục Tiểu học và Mầm non	Giáo dục Tiểu học	A	4459010495	Hà Thị Yến	20/08/2003	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
224	44	Kinh tế và Kế toán	Kế toán	B	4454040480	Hán Nữ Anh Thục	30/09/2001	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
225	44	Kinh tế và Kế toán	Kế toán	C	4454040113	Kpã H' Huyền	26/02/2002	Nữ	Gia Rai	894.000	5.364.000	
226	44	Kỹ thuật và Công nghệ	Kỹ thuật điện	B	4451170324	Pi Năng Viện	19/03/2003	Nam	Ra-Giay	894.000	5.364.000	
227	44	Kỹ thuật và Công nghệ	Kỹ thuật xây dựng	B	4451160260	Đạt Minh Kiệt	24/05/2003	Nam	Chăm	894.000	5.364.000	
228	44	Khoa học Tự nhiên	Quản lý đất đai		4452030138	Rơ Mah Dầu	11/09/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
229	44	Khoa học Tự nhiên	Quản lý đất đai		4452030016	Cao Thị My Giang	24/09/2003	Nữ	Ra-Giay	894.000	5.364.000	
230	44	Khoa học Tự nhiên	Quản lý đất đai		4452030247	Quảng Nữ Trí Tuệ	13/11/2003	Nữ	Chăm	894.000	5.364.000	
231	44	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4456080084	Mẫu Thị Mai Thi	20/05/2003	Nữ	Ra-Giay	894.000	5.364.000	
232	44	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Công tác xã hội		4456080063	Vũ	19/12/2001	Nam	Ba Na	894.000	5.364.000	
233	44	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quản lý giáo dục		4456110060	H Nga Niê	18/01/2002	Nữ	Ê Đê	894.000	5.364.000	
234	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	A	4456120133	Nhai	27/01/2003	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
235	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Luật	B	4456120363	Phạm Thị Y Giang	04/11/2003	Nữ	Hrê	894.000	5.364.000	

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
256	44	Tài chính - Ngân hàng và Quan hệ Kinh doanh	Tài chính - Ngân hàng	B	4454050047	K'	Đoàn	27/03/2003	Nam	Mã	894.000	5.364.000
TỔNG CỘNG											1.373.184.000	

Ấn định danh sách này gồm có 256 sinh viên

Bảng chữ: Một tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng

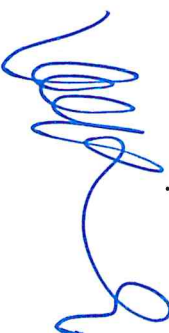
Bình Định, ngày 19 tháng 4 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đào Phương Hoa

TP. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - SINH VIÊN



Ths. Cao Kỳ Nam



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

TT	Khóa	Khoa	Ngành học	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ng.sinh	GT	DT	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng tiền nhận	Ghi chú
236	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4456100122	Rơ Mah H'	17/10/2002	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
237	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4456100202		12/07/2003	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
238	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4456100218	Đinh Thị	10/02/2003	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
239	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4456100147	Cao Thị Ngọc Hân	20/06/2003	Nữ	Ra-Gay	894.000	5.364.000	
240	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4456100363	Kpá Hờ	05/04/2003	Nữ	Ê Đê	894.000	5.364.000	
241	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4456100306	Ksor H'	14/08/2003	Nữ	Jrai	894.000	5.364.000	
242	44	Lý luận chính trị - Luật & Quan lý nhà nước	Quản lý nhà nước		4456100080	Cao Thị Minh Thấp	21/06/2003	Nữ	Ra-Gay	894.000	5.364.000	
243	44	Ngoại ngữ	Ngon ngữ Anh	D	4457510479	H'	15/10/2003	Nữ	Manong	894.000	5.364.000	
244	44	Ngoại ngữ	Ngon ngữ Anh	E	4457510878	Gia Lúc Thị Soan	05/12/2003	Nữ	Ra-Gay	894.000	5.364.000	
245	44	Ngoại ngữ	Ngon ngữ Trung Quốc	A	4457520474	H Zu	14/03/2003	Nữ	Ê Đê	894.000	5.364.000	
246	44	Ngoại ngữ	Ngon ngữ Trung Quốc	B	4457520407	Đinh Thị Chuyền	23/08/2003	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
247	44	Ngoại ngữ	Ngon ngữ Trung Quốc	B	4457520089	H Ik	26/02/2003	Nữ	Ê Đê	894.000	5.364.000	
248	44	Ngoại ngữ	Ngon ngữ Trung Quốc	C	4457520463	Hoàng Mã Anh	17/10/2002	Nam	Tây	894.000	5.364.000	
249	44	Ngoại ngữ	Ngon ngữ Trung Quốc	C	4457520478	Đinh Thị Hà Diễm	16/08/2003	Nữ	Hrê	894.000	5.364.000	
250	44	Ngoại ngữ	Ngon ngữ Trung Quốc	C	4457520527	Cao Thị Mai Linh	14/08/2003	Nữ	Ra-Gay	894.000	5.364.000	
251	44	Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn		4456010131	Đinh Thị Nhiệt	03/03/2003	Nữ	Ba Na	894.000	5.364.000	
252	44	Tài chính - Ngân hàng và Quan trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	B	4454060630	Alê Y Thuyền	23/10/2003	Nam	Hà Roi	894.000	5.364.000	
253	44	Tài chính - Ngân hàng và Quan trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	A	4454010636	Chu Thị Thu Phương	17/05/2003	Nữ	Tây	894.000	5.364.000	
254	44	Tài chính - Ngân hàng và Quan trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	A	4454011229	Lý Nguyên Sào	20/03/2002	Nam	Manong	894.000	5.364.000	
255	44	Tài chính - Ngân hàng và Quan trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	D	4454010282	Đinh Thu Hương	20/10/2003	Nữ	Manong	894.000	5.364.000	